

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 236/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-08-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Thành Nghĩa.
- Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 839/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1997; cư trú tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 02 tháng 7 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh T có tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được 03 năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh **T** hay sử dụng rượu, bia rồi đánh đập chị và con; anh **T** không lo làm ăn mà thường xuyên đánh bạc; anh **T** không chăm lo gì cho các con dẫn đến chị và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi với nhau. Nay chị và anh **T** không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T**.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Hồng H**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2017 và cháu **Nguyễn Ngọc T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2020; hiện nay các con đang ở với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu giao các con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị. Hiện nay chị và anh **T** không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh **Nguyễn Thanh T** vắng mặt nhưng tại lời khai anh **Nguyễn Thanh T** trình bày: Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng anh như vợ của anh là chị **Nguyễn Thị Hồng L** đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng của anh sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì anh có uống bia, rượu về đánh đập vợ nhưng nay anh biết sai nên anh không đánh vợ anh nữa, anh sẽ lo làm để nuôi các con. Vì vợ chồng anh vẫn còn tình cảm với nhau nên anh không đồng ý ly hôn với chị **L**; anh yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Hồng H**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2017 và cháu **Nguyễn Ngọc T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2020. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao các con cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nếu ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Hiện nay vợ chồng anh không nợ tài sản gì của ai. Ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì thêm

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L**, cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T**; giao con chung của chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** là cháu **Nguyễn Hồng H**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2017 và cháu **Nguyễn Ngọc T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2020 cho chị **L** trực tiếp nuôi. Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Thanh T không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh Nguyễn Thanh T cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào ngày 22 tháng 7 năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102. Việc kết hôn giữa chị L và anh T tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T vì cho rằng anh T hay sử dụng rượu, bia rồi đánh đập chị và các con; anh T không lo làm ăn mà đánh bạc; anh T không chăm lo gì cho cuộc sống các con, không chu cấp tiền bạc nuôi con dẫn đến chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi với nhau. Anh Nguyễn Thanh T thừa nhận trước đây anh có uống bia, rượu về đánh đập chị L nhưng nay anh biết sai nên anh không đánh chị L nữa, anh sẽ lo làm để nuôi các con; vì vợ chồng anh vẫn còn tình cảm với nhau nên anh không đồng ý ly hôn với chị L; anh yêu cầu được đoàn tụ. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh T để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị L và anh T nhưng chị L vẫn yêu cầu ly hôn với anh T; anh T không có bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà hiện nay chị L và anh T vẫn không còn chung sống với nhau. Tuy anh T yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T vẫn không tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị

**L** và anh **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị **L** được ly hôn với anh **T**.

[3.2] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** thống nhất có 02 người con chung là cháu **Nguyễn Hồng H**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2017 và cháu **Nguyễn Ngọc T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2020. Chị **Nguyễn Thị Hồng L** yêu cầu giao các con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị **L** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **H** và cháu **T1**. Nếu ly hôn thì anh **T** đồng ý giao các con cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu **H** và cháu **T1**, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **H** và cháu **T1** cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh **T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **L**. Khi cần thiết chị **L** và anh **T** đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L.**

2. Về quan hệ hôn nhân:

2.1. Cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T.**

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 22 tháng 07 năm 2016 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** là cháu **Nguyễn Hồng H**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2017 và cháu **Nguyễn Ngọc T1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2020 cho chị **Nguyễn Thị Hồng L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay chị **Nguyễn Thị Hồng L** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Hồng H** và cháu **Nguyễn Ngọc T1**.

3.2. Chị **Nguyễn Thị Hồng L** không yêu cầu anh **Nguyễn Thanh T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Anh **Nguyễn Thanh T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh **Nguyễn Thanh T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị **Nguyễn Thị Hồng L**. Khi cần thiết chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị **Nguyễn Thị Hồng L** và anh **Nguyễn Thanh T** không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị **Nguyễn Thị Hồng L** phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị **Nguyễn Thanh T** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001698 ngày 11 tháng 06 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng L** có mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 02 tháng 8 năm 2024). Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố, niêm yết hợp lệ.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân xã Phước An, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Công Minh**